

Số: 05 /QĐ-TH

Hải Phòng, ngày 05 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai ngân sách và các khoản thu năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ HỌC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định giao dự toán số 5136/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Vinh Bảo về việc giao dự toán năm 2023;

Theo đề nghị của Kế toán trưởng Trường Tiểu học Lý Học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng Văn phòng, kế toán trưởng, các ông bà tổ trưởng chuyên môn có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Công thông tin trường;
- Lưu: VT.



Đỗ Đào Tuấn

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2023

(Kế hoạch Quyết định số 05/QĐ-TTH ngày 05/01/2023 của Trường Tiểu học Lý Học)

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	0
I	Số thu phí, lệ phí	0
1	Học phí (nếu có)	0
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
1.2	Mức thu	
1.3	Tổng số thu trong năm	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác	
1.7	Số dư cuối năm	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) <i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>	0
2.1	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
2.1.2	Mức thu	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
2.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:.....	
2.1.7	Số dư cuối năm	
	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	0
3.1	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
3.1.5	Số chi trong năm	
	Trong đó: -	
	-	
	-	

¹ Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

TT	Nội dung	Dự toán
3.1.6	Số dư cuối năm	
	
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
4.1.	Trông giữ xe	0
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	135.000
4.1.2	Mức thu	23.000.000
4.1.3	Tổng số thu trong năm	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	23.000.000
4.1.6	Số chi trong năm	20.070.000
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	2.930.000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:.....	
4.1.7	Số dư cuối năm	
	
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
5.1	Kỹ năng sống	0
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	9000
5.1.2	Mức thu	111.814.000
5.1.3	Tổng số thu trong năm	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	111.814.000
5.1.6	Số chi trong năm	89.451.000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	22.363.000
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:.....	
5.1.7	Số dư cuối năm	0
5.2	Tiếng anh tăng cường	0
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	9000
5.1.2	Mức thu	123.377.500
5.1.3	Tổng số thu trong năm	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	123.377.500
5.1.6	Số chi trong năm	98.702.000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	24.675.500
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:.....	
5.1.7	Số dư cuối năm	0
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có:	

TT	Nội dung	Dự toán
	<i>Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>	
6.1	Đội thiếu niên	
6.1.1	Số học sinh	373
6.1.2	Mức thu	40.000
6.1.3	Tổng thu	14.920.000
6.1.4	Đã chi	14.920.000
6.1.5	Dư	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
1	Chi sự nghiệp	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	Chi quản lý hành chính	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0
1	Học phí	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
6	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.383.380.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.125.380.000
	Chi thanh toán cá nhân	2.947.027.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	178.353.000
	Chi mua sắm sửa chữa	



TT	Nội dung	Dự toán
	Chi khác	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	258.000.000
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	258.000.000
	Chi khác	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
II	Nguồn viện trợ	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	
C	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
1	Mức thu nhập của CBQL	10.072.000
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	11.827.000
	Mức bình quân (đ/người/năm)	8.418.000
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	3.895.000
D	MỨC CHI CHO HỌC SINH	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	950.000
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Văn Dũng

Lý Học, ngày 05 tháng 04, năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Đào Tuấn